TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **172**/2020/DS - PT

Ngày: 09/9/2020

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1354/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1954.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà L có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Đức N, luật sư Văn phòng luật sư Ngô Đức N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Cao Xuân D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn P - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (Văn bản ủy quyền ngày 18/02/2019). Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1930.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018).

Cùng địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Công ty TNHH một thành viên cà phê C.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn T - chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1973, (Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2018); địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn - ông Nguyễn Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tôi (Nguyễn Đình T) là anh trai bà Nguyễn Thị L. Năm 1993, vợ chồng tôi làm công nhân cho Nông trường cà phê C (nay là Công ty TNHH MTV cà phê C), lúc này bà L đang ở chung với bố mẹ đẻ của chúng tôi là ông Nguyễn Đình T.

Sau khi vào làm công nhân nông trường, vào năm 1998 vợ chồng tôi có làm đơn xin cấp đất thổ cư và thổ canh theo chế độ của người lao động và được Nông trường xét duyệt đề nghị UBND huyện K cấp đất ở theo chủ trương.

Nguồn gốc đất tranh chấp: Trước đây vào khoảng năm 1985, ông Nguyễn Đình T đã khai hoang và nhận liên kết từ Nông trường cà phê C để sử dụng. Đến năm 1998 thì Nông trường thu hồi lại để cấp đất ở cho công nhân. Do tôi bận công việc nên ông Nguyễn Đình T đã làm các thủ tục kê khai, đóng phí và đăng ký giúp vợ chồng tôi.

Năm 2000, vợ chồng tôi chuyển về Gia Lai sinh sống. Đến năm 2001, vợ chồng tôi được biết UBND huyện K (nay là UBND huyện C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSD đất) số R433152 đối với thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 với tổng diện tích là 1000 m^2.

Nông trường báo cho chúng tôi về nhận đất và GCNQSD đất, chúng tôi về nhận thì được biết Nông trường đã giao đất và giấy tờ liên quan cho ông Nguyễn Đình T nhận thay. Tôi không liên hệ với Nông trường để chỉ vị trí đất đã giao cho vợ chồng tôi. Hàng năm, tôi có về đòi GCNQSD đất nhưng ông T không đưa và nói đất không phải của vợ chồng tôi.

Năm 2018, vợ chồng tôi tưởng đất của mình đang do cô Nguyễn Thị V (cũng là em gái ông Nguyễn Đình T) sử dụng nên có yêu cầu UBND xã E - huyện C hòa giải để lấy lại đất. Thời điểm này chúng tôi mới biết đất của vợ chồng tôi đang do gia đình bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng và xây nhà trên đất. Nay vợ chồng tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại diện tích đất đã chiếm dụng trái phép cho chúng tôi. Đối với tài sản trên đất: Do không biết đất mà bà L sử dụng là đất được cấp cho vợ chồng tôi nên vợ chồng tôi không ngăn cản bà L xây dụng, tôn tạo tài sản trên đất. Yêu cầu bà L phải tháo dỡ tài sản trên đất.

** Theo đơn phản tố và quá trình tố tụng, bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Diện tích thửa đất mà ông Nguyễn Đình T yêu cầu tôi trả lại có nguồn gốc là do bố tôi là ông Nguyễn Đình T khai hoang vào năm 1985 để trồng hoa màu. Thửa đất này đã được Chi cục quản lý đất đai tỉnh Đắk Lắk đo và cấp trích lục đất đai vào tháng 01 năm 1994 mang tên bố tôi là ông Nguyễn Đình T, thửa đất số 334 với tổng diện tích là 7290 m^2.

Vào năm 1994, bố tôi đã giao cho tôi quản lý, sử dụng một phần đất thuộc thửa đất số 334 nói trên. Từ năm 1995, tôi đã làm nhà ở và canh tác trên lô đất này, hiện nay là lô đất số 11978a thuộc tờ bản đồ số 62. Năm 2000, bố tôi tiếp tục giao cho em gái tôi là Nguyễn Thị V quản lý, sử dụng một phần đất thuộc thửa đất số 334, có vị trí giáp với thửa đất mà bố tôi đã cho tôi.

Đến năm 1995, ông T mới đưa vợ con vào ở cùng gia đình bố mẹ tôi. Lúc đó bố mẹ tôi có cho ông T một lô đất khác ở Nông trường V.

Vào năm 1998, UBND huyện K có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Đình T đã tự làm hồ sơ xin cấp GCNQSD đất cho các con gồm tôi (Nguyễn Thị L), Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị V.

Do Nguyễn Thị V chưa có Chứng minh thư nên mới mượn chứng minh thư của Nguyễn Đình T để làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho Nguyễn Thị V. Trên thực tế, đất đã bị cấp nhầm. Lô đất thuộc thửa đất số 11978a là đất của tôi đã sử dụng ổn định lâu dài thì UBND huyện K lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình T. Còn thửa đất số 11978b do em tôi Nguyễn Thị V sinh sống, sử dụng lại được cấp GCNQSD đất đứng tên tôi (Nguyễn Thị L). Ban đầu, tôi không biết là UBND huyện K cấp GCNQSD đất có sự nhầm lẫn vì tôi vẫn quản lý đất và GCNQSD đất mang tên tôi. Đến năm 2018 có tranh chấp mới biết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

R433152 do UBND huyện K cấp ngày 08/6/2001 đối với thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 đứng tên ông Nguyễn Đình T và công nhận cho tôi (Nguyễn Thị L) là người sử dụng hợp pháp lô đất trên theo diện tích thực tế sử dụng đất.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Cao Xuân D (chồng bà Nguyễn Thị L) trình bày:*

Tôi kết hôn với bà Nguyễn Thị L vào năm 2002. Sau khi kết hôn, tôi về chung sống với bà L tại thửa đất nay có tranh chấp. Khi về chung sống, trên đất đã có ngôi nhà do bà Nguyễn Thị L xây dựng từ trước. Quyền sử dụng đất là của bà Nguyễn Thị L có từ trước do được ông Nguyễn Đình T cho. Quá trình chung sống, vợ chồng tạo lập thêm một số tài sản sau: Ngôi nhà xây cấp 3 có diện tích trên 200m^2, sân bê tông, trồng 120 trụ tiêu, khoan 01 giếng khoan như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện. Tôi có thấy GCNQSD đất đứng tên vợ tôi "Nguyễn Thị L". Sau này mới biết UBND huyện K cấp nhầm đất của bà Nguyễn Thị L sử dụng. Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, đề nghị công nhận bà Nguyễn Thị L là người sử dụng hợp pháp lô đất trên.

** Theo đơn yêu cầu độc lập và quá trình tố tụng, ông Nguyễn Đình T và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình T trình bày:*

Năm 1979, tôi được Đảng bộ xã H Phú, huyện H Nguyên, tỉnh Nghệ An cử đi xây dựng kinh tế mới tại Xí nghiệp liên hiệp cà phê V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Năm 1994, tôi về đưa vợ và các con là Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Nguyễn Đức B và Nguyễn Thị H vào cùng sinh sống.

Từ năm 1985, tôi cùng các con Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Nguyễn Đức B và Nguyễn Thị H đã khai hoang phục hóa để trồng cây cà phê trên thửa đất số 334 với diện tích là 7290 m^2. Thửa đất này đã được Nông trường cấp cho tôi và đã được Chi cục quản lý đất đai tỉnh Đắk Lắk đo và cấp trích lục đất đai vào tháng 01 năm 1994 mang tên tôi Nguyễn Đình T.

Năm 1994, ông Nguyễn Đình T mới vào chung sống cùng tôi, đến năm 1995 thì được tôi cho mảnh đất tại ngã 3 Nông trường cà phê V để buôn bán và 01 mảnh đất có diện tích hơn l,4ha trồng cà phê nhận khoán của Nông trường để sản xuất. Đến năm 1998, ông Nguyễn Đình T cùng vợ con bán toàn bộ tài sản và chuyển đi Gia Lai sinh sống cho đến nay.

Đối với thửa đất số 334 với diện tích là 7290 m^2 thì vào năm 1995, tôi có cho bà Nguyễn Thị L 1000 m^2 đất nằm trong thửa đất này, bà Nguyễn Thị L đã làm nhà ở riêng và sản xuất trên diện tích đất này. Tôi còn cho con gái bà Nguyễn Thị C diện tích 1000 m^2 (cũng nằm trong thửa đất này và liền kề thửa đất đã cho bà Nguyễn Thị L) để làm ăn.

Năm 1998, UBND huyện K có chủ trương cấp GCNQSD đất, tôi (Nguyễn Đình T) là chủ lô đất trên đã tự tay làm hồ sơ đề nghị UBND huyện K cấp GCNQSD đất cho các con là Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị V. Do bà Nguyễn Thị V chưa làm giấy chứng minh nhân dân nên khi làm thủ tục cấp

GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị V thì tôi mượn tên và giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Đình T để làm thủ tục hợp thức quyền sử dụng đất. Năm 2001 thì được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11978, 11978a và 11978b, cùng tờ bản đồ số 62. Trong đó, bà Nguyễn Thị L được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 11978b, thửa đất số 11978a được cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Đình T.

Đối với lô đất mà tôi đăng ký mang tên ông Nguyễn Đình T, thì vào năm 2002 khi bà Nguyễn Thị V lấy chồng, tôi đã giao lô đất này cho bà Nguyễn Thị V sử dụng, đã làm nhà ở ổn định cho đến nay.

Như vậy, UBND huyện K cấp GCNQSD đất sai vị trí, cụ thể: Đất của bà Nguyễn Thị L sử dụng ổn định và đăng ký cấp GCNQSD đất thì UBND huyện lại cấp GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Đình T. Thửa đất đăng ký cấp mang tên ông Nguyễn Đình T thì lại cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi hoàn toàn đồng ý đề nghị Tòa án công nhận bà Nguyễn Thị L là chủ sử dụng hợp pháp lô đất trên.

Tôi xin rút yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị L trả lại cho tôi diện tích thửa đất số 11978a hoặc trả lại giá trị lô đất trên cho tôi bằng tiền là 320.000.000đ, vì thực tế tôi đã cho bà L thửa đất này từ năm 1995.

Quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện C là ông Đặng Văn P trình bày:

Đất đang có tranh chấp trước đây là của Nông trường cà phê C.

Dựa trên danh sách người lao động đề nghị được cấp GCNQSD đất do Nông trường cà phê C lập ngày 01/02/2000, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 08/06/2001 về việc cấp GCNQSD đất.

Trong đó, thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 được cấp cho ông Nguyễn Đình T. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh thì bà Nguyễn Thị L đã quản lý, sử dụng thửa đất này từ năm 1995 cho đến nay. Việc cấp GCNQSD đất số R433152 đối với thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62, diện tích l.000 m^2 đứng tên ông Nguyễn Đình T có dấu hiệu cấp sai đối tượng sử dụng. Bà L là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng lại cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Đình T.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV cà phê C là ông Nguyễn Phú H trình bày:

Thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số R 433152 ngày 08/6/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T có nguồn gốc trước đây là của Nông trường cà phê C (Nay là Công TNHH MTV cà phê C) giao cho ông Nguyễn Đình T quản lý, sử dụng; Ông Nguyễn Đình T được Nông trường cà phê C tiếp nhận từ ngày 15/9/1993 đến năm 1998 ông T đi Gia Lai và không còn làm công nhân Nông trường nữa. Việc UBND huyện K cấp GCNQSD đất vào năm 2001 là thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Việc tranh

chấp giữa các bên không liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty nữa.

Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Năm 2002, bố tôi là ông Nguyễn Đình T cho tôi diện tích đất khoảng 1.000m^2 tại vị trí mà hiện nay tôi đang quản lý và sử dụng. Khi ông T cho tôi quyền sử dụng thửa đất trên thì ông T có giao cho tôi GCNQSD đất của thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 do UBND huyện K cấp ngày 07/5/2001 mang tên ông Nguyễn Đình T. Tôi giữ GCNQSD đất từ đó cho đến nay. Vì là anh em ruột nên tôi thấy việc sang tên chưa cần thiết. Năm 2018, ông T kiện tôi ra UBND xã E đòi lại đất thì tôi và ông T mới biết đất mà tôi đang sử dụng không phải là thửa 11978a mà là thửa đất số 11978b được cấp GCNQSD đất mang tên bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L mới là người sử dụng thửa đất số 11978a. Với yêu cầu hủy GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Đình T của bà L, tôi đồng ý vì không có tranh chấp gì với bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34; Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 3; các Điều 20, 21, 33, 36 và Điều 73 của Luật đất đai năm 1993;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại diện tích 1000m^2 đất thuộc thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 đã được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 433152 ngày 08/6/2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L. Tuyên hủy một phần Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 08/6/2001 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.524 hộ gia đình, cá nhân, phần nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình T; Tuyên hủy giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 433152 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 08/6/2001 đối với thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T.

- Công nhận bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có vị trí: Hướng Đông giáp đường đi dài 30 m; Hướng Tây giáp thửa đất số 11978c dài 30 m; Hướng Nam giáp thửa đất số 11978b của bà Nguyễn Thị V 37,4m; Hướng Bắc giáp thửa đất

số 11978 của bà Nguyễn Thị C dài 37,4m. Diện tích đo đạc thực tế 1.122m^2. Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đình T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại cho ông Nguyễn Đình T giá trị thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk bằng tiền là 320.000.000đ.

4. Kiến nghị UBND huyện C thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 405187 do UBND huyện K cấp ngày 08/6/2001 đối vơi thửa đất số 11978b, tờ bản đồ số 62 xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk mang tên Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 04 năm 2020, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T do bà Hoàng Thị L đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà Hoàng Thị L cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Đình T là không đúng, vì vợ chồng ông T, bà L là công nhân của Nông trường cà phê C nên được cấp đất. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai là không đúng. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị L trả lại 1000 m^2 đất theo Giấy chứng nhận được cấp cho ông Nguyễn Đình T. Luật sư còn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Hoàng Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng; chưa xác minh làm rõ bà Nguyễn Thị V được cấp Giấy chứng minh nhân dân lúc nào; nguyên đơn còn cung cấp băng ghi âm cuộc nói chuyện của ông Nguyễn Đình T với ông Nguyễn Đình T, bà Hoàng Thị L vào tháng 02/2017 nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Nhưng xét, đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, các đương sự đều được triệu tập hợp lệ. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về phần nội dung:

[2.1] Bà Hoàng Thị L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T thừa nhận: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 09/3/2020 nhưng hoãn lại do vắng mặt một số đương sự và đã triệu tập các đương sự để mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai vào ngày 19/3/2020, bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tại đơn kháng cáo, bà L cho rằng do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Thông báo tạm dừng các phiên tòa, phiên họp vì dịch Covid-19 nên bà không đến. Như vậy, bà L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tiến hành xét xử phần phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L là có cơ sở. Hơn nữa, khi xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L sẽ liên quan trực tiếp đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T.

[2.2] Tại biên bản đối chất ngày 29/3/2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Hoàng Thị L đều thừa nhận: Thửa đất số 11978a đang tranh chấp là do ông Nguyễn Đình T (cha của ông T, bà L) kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất này bà L sử dụng từ trước năm 1995 đến nay.

[2.3] Về nguồn gốc thửa đất số 11978a, các đương sự trong vụ án đều thừa nhận do ông Nguyễn Đình T khai hoang và nhận liên kết với Nông trường cà phê C từ năm 1985, phù hợp với lời khai ngày 13/12/2018, ngày 20/9/2019 của ông Nguyễn Phú H đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV cà phê C và trích lục bản đồ của ông Nguyễn Đình T năm 1994.

Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị L đều là công nhân của Nông trường cà phê C. Ông T cho rằng vào năm 1998 Nông trường thu hồi đất của ông Nguyễn Đình T, cấp đất ở cho công nhân nên ông làm đơn xin đất ở và được cấp đất. Nhưng theo bản tự khai của ông Nguyễn Phú H – cán bộ Công ty TNHH MTV cà phê C ngày 13/12/2018 thể hiện: Năm 1993 ông Nguyễn Đình T là công nhân của Nông trường cà phê C, đến năm 1998 ông T đi Gia Lai và không còn làm công nhân của Nông trường nữa. Tại biên bản xác minh ngày 10/10/2019, ông Nguyễn Văn Thành – Giám đốc Công ty TNHH MTV cà phê C cho biết:

Nông trường cà phê C không có nhận đơn xin cấp đất thổ cư của ông Nguyễn Đình T và cũng không giao đất cho ông Nguyễn Đình T. Tại biên bản đối chất ngày 29/3/2019, bà Hoàng Thị L khai: Tại vì ông T không biết thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 ở đâu, nằm ở vị trí nào vì từ trước đến nay ông T không sử dụng đến.

Tại Công văn số 169/UBND-ĐC ngày 24/7/2018 của UBND xã E thể hiện: Đối với bà Nguyễn Thị L sau khi tự khai phá năm 1985 và được Nông trường cho phép làm nhà ở năm 1995, hộ bà Nguyễn Thị L đã sử dụng diện tích thửa đất trên vào mục đích làm nhà ở ổn định và trồng cây lâu năm từ năm 1995 đến nay, không có tranh chấp, khiếu nại. Tại biên bản xác minh ngày 29/3/2019, đại diện UBND xã E và trưởng thôn 8 cho biết: Từ năm 1995 đến nay, diện tích đất do bà L và ông D quản lý, sử dụng không xảy ra tranh chấp. Bà L và ông D sử dụng ổn định và hợp pháp thửa đất trên. Tại lời khai ngày 20/9/2019, ông Nguyễn Phú H cán bộ Công ty TNHH MTV cà phê C thể hiện: Vào năm 2000 Nông trường cà phê C xác nhận danh sách người lao động đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị L đã sử dụng, quản lý và xây dựng nhà ở trên diện tích đất 1000m^2, nay thuộc thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 không có tranh chấp, ông T không ở trên thửa đất này. Tại bản tự khai ngày 27/02/2019 của ông Đặng Văn P, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C cho biết: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ việc, UBND huyện C nhận thấy UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 433152 ngày cấp trích lục bản đồ 07/5/2001 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ngày, tháng, năm ký) cho hộ ông Nguyễn Đình T đối với thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62, xã Cư Ê Mi (nay là xã E, huyện C) có dấu hiệu cấp sai đối tượng sử dụng đất…đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy: Bà Nguyễn Thị L là người sử dụng ổn định thửa đất số 11978a từ năm 1995 do ông Nguyễn Đình T cho và đã làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 11978a và 11978b là có sự nhầm lẫn, sai đối tượng. Bởi lẽ, thửa đất 11978a bà L làm nhà ở ổn định từ năm 1995 nhưng lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình T, còn thửa đất số 11978b lại cấp đứng tên bà Nguyễn Thị L. Do đó, bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị L, hủy một phần Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 08/6/2001 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện K cấp cho hộ ông Nguyễn Đình T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Đối với bà Hoàng Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm tại Quyết định số 03/2020/QĐ-SCBSBA ngày 25/6/2020. Còn đối với việc xác minh bà Nguyễn Thị V làm Giấy chứng minh nhân dân lúc nào cũng như băng ghi âm

cuộc nói chuyện giữa ông Nguyễn Đình T với ông Nguyễn Đình T, bà Hoàng Thị L không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3, các Điều 20, 21, 33, 36, 73 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại diện tích 1000m^2 đất thuộc thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 433152 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T, đất tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 08/6/2001 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.524 hộ gia đình, cá nhân, phần nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình T; Tuyên hủy giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 433152 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp đối với thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 mang tên hộ ông Nguyễn Đình T.

Công nhận bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 11978a, tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có vị trí: Hướng Đông giáp đường đi dài 30 m; Hướng Tây giáp thửa đất số 11978c dài 30 m; Hướng Nam giáp thửa đất số 11978b dài 37,4m; Hướng Bắc giáp thửa đất số 11978 dài 37,4m. Diện tích đo đạc thực tế 1.122m^2.

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0008497

ngày 17/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm